

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV  
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Số: 2233 /NĐCP-KHĐTVT

V/v: Thư mời chào giá lập dự toán mua  
sắm vật tư

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cẩm Phả, ngày 03 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP đang có nhu cầu lập dự toán mua sắm Vật tư gia công chế tạo thiết yếu của Nhà máy.

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP kính mời Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung như sau:

**I. Yêu cầu về hàng hóa**

**1. Thông tin về vật tư cần mua:**

- Tên đơn hàng: Mua sắm Vật tư gia công chế tạo thiết yếu của Nhà máy.
- Số hiệu đơn hàng: 119/ĐH-NĐCP
- Chi tiết Đơn hàng (Theo bảng kê chi tiết đính kèm):

*Lưu ý: Trong quá trình chuẩn bị báo giá, nhà cung cấp phải khảo sát kỹ thông số kỹ thuật, tình trạng thiết bị của đơn hàng nhằm đảm bảo tính tương thích về môi trường, điều kiện vận hành, chất lượng hàng hóa phù hợp nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sử dụng tại nhà máy.*

**2. Nội dung Hồ sơ chào giá:**

**a. Yêu cầu về thương mại:**

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua và đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước.
- Bản chào giá ghi đầy đủ hăng, nước sản xuất.
- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 180 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu.
- Thời gian giao hàng dự kiến: nhà cung cấp đề xuất thời gian giao hàng.

**Xử lý tình huống:**

- Trong trường hợp Bên B có sẵn hàng hóa và Bên A có nhu cầu sử dụng, Bên B sẽ thực hiện bàn giao hàng hóa theo nhu cầu bằng văn bản của bên A thông qua gửi trực tiếp/Fax/Email.
- Trong trường hợp Bên B giao hàng vào ngày cuối cùng của thời gian thực hiện hợp đồng, không phải là thứ 2 hoặc thứ 5 thì Bên B thực hiện bàn giao hàng hóa vào ngày



thứ 2/thứ 5 kế tiếp (ngày gần nhất với ngày hết hạn thực hiện hợp đồng) hoặc vào các ngày kế tiếp theo nhu cầu của Bên A và không tính là vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng.

- Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày hai bên ký kết Biên bản kiểm nghiệm vật tư.

- Thời gian thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 30 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

#### *b. Yêu cầu về hàng hóa*

- Hàng hóa phải mới 100%, sản xuất năm 2024 trở lại đây, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Hàng hóa, vật tư được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng như sau:

+ Với các mục hàng nhập khẩu:

++ Yêu cầu cấp CO, CQ/ hoặc các văn bản giá trị tương đương.

++ Các vật tư có đơn giá từ 20 triệu đồng trở lên; hoặc có đơn giá dưới 20 triệu đồng nhưng tổng giá trị mua sắm vật tư đó hơn 50 triệu đồng: Cấp CO, CQ/ hoặc các văn bản giá trị tương đương.

+ Với các mục hàng xuất xứ Việt Nam: Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa. Riêng các mục hàng có Các vật tư có đơn giá trên 10 triệu đồng: Cấp CQ/ hoặc các văn bản giá trị tương đương của nhà sản xuất.

*Ghi chú: CO: Giấy Chứng nhận xuất xứ do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho đơn vị nhập khẩu tại Việt Nam; CQ: Giấy chứng nhận chất lượng hoặc các văn bản có giá trị tương đương. Yêu cầu cấp bản dịch thuật tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật với các chứng từ không được viết bằng tiếng Việt. Trong trường hợp số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc kèm theo các chứng từ trên.*

## **II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá**

### **1. Hình thức chào giá**

- Bản chào giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

- BCG (theo biểu mẫu đính kèm).

- Bản chào giá được gửi trong phong bì kín, có niêm phong ghi rõ nội dung: **Bản chào giá theo thư mời số 2233../NĐCP-KHĐTVT ngày 03../6/2025** và gửi thư chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau:

Địa chỉ nhận bản chào giá:

- Phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư - Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.

- Địa chỉ: Tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: 02033 734 900

- Cán bộ phụ trách: Hoàng Thị Thu Hương; Điện thoại: 0982 542 212

N. N. I  
NHẬT  
-TKV  
NG C  
TI  
PHÁ

- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào ..09.. giờ 00' ngày 10/6/2025 .
- Thời gian và địa điểm mở bản chào giá vào lúc vào .09... giờ 30' ngày 10/6/2025 tại trụ sở Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV.
- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP mời các nhà cung cấp đã nộp BCG chứng kiến và xác nhận việc mở BCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở BCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp.
- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của quý đơn vị.

Trân trọng./.



**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc (B/c)
- Trang Web TKV (đăng tải);
- Trang Web ĐLTKV (đăng tải);
- Tổ tư vấn LCNCC;
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu Văn thư, HTTH(1).

KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Hoàng Lân



**Bảng kê chi tiết đơn hàng**  
(Đính kèm thư mời chào giá số 2233/NĐCP-KHĐTVT ngày 03 tháng 6 năm 2025)

| STT | Tên vật tư, thiết bị                  | Thông số kỹ thuật/ Ký mã hiệu/ Quy cách vật tư thiết bị                   | Hãng/ nước sản xuất | ĐVT | Số lượng |
|-----|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----|----------|
| 1   | Bánh xích                             | Z17-2-D90 (BV:14.10.20)                                                   |                     | Cái | 1        |
| 2   | Bánh xích                             | Z19-D90 (BV: TVTĐ.00.03)                                                  |                     | Cái | 1        |
| 3   | Bánh xích                             | Z57; BV: TX.28.01                                                         |                     | Cái | 1        |
| 4   | Bánh xích                             | Z19-2; D110; Bản vẽ: MCT.01.01                                            |                     | Cái | 2        |
| 5   | Con lăn chặn                          | D196 (BV:TX.22.08.019.1);<br>(BV:TX.22.08.019.02);<br>(BV:TX.22.08.019.3) |                     | Cái | 8        |
| 6   | Con lăn đà xích băng cấp 3+ gói FC210 | Con lăn đà xích băng cấp 3+ gói FC210                                     |                     | Cụm | 1        |
| 7   | Con lăn đỡ vít                        | D260 (BV TX21.00)                                                         |                     | Cái | 12       |
| 8   | Con lăn tỷ xích tải cấp 2             | D240; Bản vẽ: MCT.18.00;<br>MCT.18.01                                     |                     | Cái | 4        |
| 9   | Chốt định vị vành lăn (chốt hãm)      | D35 (BV: TXCVL.22.01)                                                     |                     | Cái | 48       |
| 10  | Đại ôm tấm bảo vệ ống treo bộ hãm     | VL SUS 310S                                                               |                     | Cái | 266      |
| 11  | Khớp giãn nở đường than D612x690      | BV: MCT: 08.01, SUS304                                                    |                     | Cái | 4        |
| 12  | Ray thẳng đỡ xích tải                 | P15. KT 79,37x79,37x42,86x8,3.<br>VL: 70MN                                |                     | m   | 36       |
| 13  | Tấm bảo vệ ống treo bộ hãm            | VL SUS 310S                                                               |                     | Tấm | 288      |
| 14  | Tấm vách nghiền số 1                  | KT: 2585x205x25; VL: 65Mn                                                 |                     | Tấm | 5        |
| 15  | Tấm vách nghiền số 2                  | KT: 2585x128x25; VL: 65Mn                                                 |                     | Tấm | 30       |
| 16  | Tấm vách nghiền số 3                  | KT: 2585x92x20; VL: 65Mn                                                  |                     | Tấm | 27       |

| STT | Tên vật tư, thiết bị    | Thông số kỹ thuật/ Ký mã hiệu/ Quy cách vật tư thiết bị | Hãng/ nước sản xuất | ĐVT | Số lượng |
|-----|-------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------|-----|----------|
| 17  | Trục búa nghiền         | Trục búa nghiền than F50, L=2.585mm                     |                     | Cái | 8        |
| 18  | Xích băng tải cấp 2 MCT | Bản vẽ: MCT.11.00; MCT.11.01; MCT.11.02                 |                     | m   | 120      |

BIỂU MẪU BẢN CHÀO GIÁ

Ngày: ..... (Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)  
Tên đơn hàng: ..... (Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)  
Số hiệu đơn hàng: ..... (Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)

| Số TT<br>(Theo thư mời) | Tên vật tư, hàng hóa | Quy cách – Thông số kỹ thuật |              | Đơn vị | Hãng/ nước sản xuất |                                 | Số lượng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền trước thuế (VNĐ) | Thuế GTGT (VNĐ) |      | Thành tiền sau thuế (VNĐ) |
|-------------------------|----------------------|------------------------------|--------------|--------|---------------------|---------------------------------|----------|---------------|-----------------------------|-----------------|------|---------------------------|
|                         |                      | Theo thư mời                 | Theo thư mời |        | Theo thư mời        | Chào giá đủ hãng/ nước sản xuất |          |               |                             | 8%              | 10%  |                           |
| (1)                     | (2)                  | (3)                          | (4)          | (5)    | (6)                 | (7)                             | (8)      | (9)           | (10)                        | (11)            | (12) | (13)                      |
| 1                       | Hàng hóa thứ nhất.   | ....                         | ....         | ....   | ....                | ....                            | ....     | ....          | ....                        | ....            | .... | ....                      |
| 2                       | Hàng hóa thứ nhất.   | ....                         | ....         | ....   | ....                | ....                            | ....     | ....          | ....                        | ....            | .... | ....                      |
| n                       | Hàng hóa thứ n       | ....                         | ....         | ....   | ....                | ....                            | ....     | ....          | ....                        | ....            | .... | ....                      |
| Tổng giá trị            |                      |                              |              |        |                     |                                 |          |               |                             |                 |      |                           |

1. Giao hàng:

- a) Thời gian giao hàng: ....  
b) Địa điểm giao hàng: .....  
c) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa

2. Thanh toán:

3. Hàng hóa

- Chất lượng: Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.  
- Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng: ..... (Nhà cung cấp ghi rõ tên các loại giấy tờ).  
4. Bảo hành (nếu có):  
5. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàn (nếu có):

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp  
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

(Ghi chú: ở cột số (11); (12): Nhà cung cấp ghi giá trị thuế GTGT ở cột áp dụng thuế suất tương ứng với hàng hóa.